TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAKRÔNG
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2022
"V/v chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAKRÔNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Mai Thị Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Hữu Tuấn**

Bà **Hồ Thị Lan Phụng**

- ***Thư ký phiên toà***: Ông **Phùng Nam Hải -** Thư ký chính Tòa án nhân dân huyện Đakrông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông tham gia phiên tòa***: Ông **Trần Nhật Tân** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc *"Tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Phước T, sinh năm 1983.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1983.

Đều có cùng địa chỉ: Khóm 2, Thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Q. Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2022, biên bản hòa giải ngày 16/6/2022; biên bản hòa giải ngày 19/8/2002 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Phước T trình bày:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 02/2021/QĐ-ST-HNGĐ ngày 18/01/2022, của Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị; đã công nhận sự thỏa thuận về quan hệ hôn nhân, về con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Ngọc M. Nay anh yêu cầu phân chia tài sản chung như sau:

Trong quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Thị Ngọc M có tạo lập được một ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 560, tờ bản đồ số 13, diện tích 100m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đakrông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CH 000747 ngày 20/8/2012 mang tên ông Nguyễn Phước T, bà Nguyễn Thị Ngọc M tại khóm 2, Thị trấn K, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị. Ngôi nhà cấp 4 trị giá 200.000.000 đồng, đất trị giá 500.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản nhà và đất là 700.000.000 đồng. Anh có nguyện vọng giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc M sỡ hữu ngôi nhà và sử dụng thửa đất nói trên và chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nghĩa vụ bù chênh lệch cho anh số tiền 350.000.000 đồng giá trị ngôi nhà cấp 4 và thửa đất. Trường hợp chị Nguyễn Thị Ngọc M giao cho anh sỡ hữu ngôi nhà và sử dụng thửa đất nói trên thì anh cũng đồng ý nhận và anh có nghĩa vụ bù chênh lệch cho chị Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 350.000.000 đồng là trị giá của ngôi nhà cấp 4 và thửa đất.

Tại đơn trình bày đề ngày 13/5/2022, biên bản hòa giải ngày 16/6/2022; biên bản hòa giải ngày 19/8/2002 và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Chị thừa nhận trong quá trình chung sống anh Nguyễn Phước T và chị có tạo lập được một ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 560, tờ bản đồ số 13, diện tích 100m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đakrông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CH 000747 ngày 20/8/2012 mang tên ông Nguyễn Phước T, bà Nguyễn Thị Ngọc M tại khóm 2, Thị trấn K, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị. Chị đồng ý về trị giá ngôi nhà cấp 4 trị giá 200.000.000 đồng, đất trị giá 500.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản nhà và đất là 700.000.000 đồng. Chị có nguyện vọng giao cho anh Nguyễn Phước T sở hữu nhà và đất nói trên và anh Nguyễn Phước T có nghĩa vụ bù chênh lệch giá trị ngôi nhà cấp 4 và thửa đất cho chị. Chị không đồng ý chia tài sản chung theo tỷ lệ 50/50 mà chị xin chia tài sản chung cho 02 con là 20%; chị 50%; cả chị và 02 con là 70% trị giá tài sản chung, còn anh Nguyễn Phước T hưởng 30% trị giá tài sản chung đồng thời chị đề nghị anh Nguyễn Phước T nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung là các cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 01/01/2008, cháu Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 25/02/2014 một lần cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; số tiền cấp dưỡng này trừ vào số tiền trị giá tài sản chung mà anh Nguyễn Phước T được hưởng.

Ngày 03/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất số BG 185455, thửa đất số 560, tờ bản đồ số 13, diện tích 100m^2 tại khóm 2, Thị trấn K, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị được Ủy ban nhân dân huyện Đakrông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 20/8/2012 mang tên ông Nguyễn Phước T và bà Nguyễn Thị Ngọc M. Kết quả như sau:

1. Đối với diện tích đất: Diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là 100m^2. Tổng diện tích đất đang sử dụng theo hiện trạng là 164m^2, cụ thể:

- Phía Đông: Chiều rộng mặt đường kiệt 01 đường Hùng Vương 5,61 mét.

- Phía Tây: Chiều rộng giáp đất trụ sở cơ quan Nhà nước 5,95 mét.

- Phía Nam: Chiều dài giáp đất trụ sở cơ quan Nhà nước 16,30 mét và 11,62 mét.

- Phía Bắc: Chiều dài giáp đất ông Trương Quốc T 27,63 mét.

Diện tích đất đang sử dụng ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là 80m^2. Cụ thể:

- Phía Đông: Chiều rộng mặt đường kiệt 01 đường Hùng Vương 1,54 mét.

- Phía Tây: Chiều dài giáp đất trụ sở cơ quan Nhà nước 11,62 mét và 16,30 mét.

- Phía Nam: Chiều rộng mặt trụ sở cơ quan Nhà nước 5,95 mét.

- Phía Bắc: Chiều dài giáp đất ông Trương Quốc T 9,32 mét

- Phía Đông: Giáp thửa đất đang cấp giấy là 5 mét.

- Phía Bắc: Giáp thửa đất đã cấp giấy 18,66 mét.

Diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Trương Quốc T đang sử dụng có diện tích 9m^2. Cụ thể: Chiều rộng mặt đường kiệt 01 đường Hùng Vương 0,93 mét, chiều dài theo Giấy chứng nhận đã cấp 18,56 mét, chiều giáp đất ông Tài, bà Mỹ đang sử dụng 18,31 mét.

Diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc đường giao thông theo hiện trạng là 7m^2. Cụ thể: Chiều rộng mặt đường kiệt 01 đường Hùng Vương 5 mét, chiều dài phía Bắc 1,44 mét, chiều dài phía Nam 1,34 mét.

Vị trí thửa đất: Kiệt 01 đường Hùng Vương, loại đường 3A *(Quyết định số: 49/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị).*

2. Tài sản trên đất:

Một ngôi nhà cấp 4 có diện tích 87m^2 một tầng, chiều rộng 5,9 mét, chiều dài 14,74 mét, khung cột bê tông cốt thép, tường dày dưới 15cm, nền lát gạch men, mái lợp fibro xi măng, mái lợp la phong bằng tôn phần nhà chính có diện tích 62,5m^2; 01 phòng khách, 02 phòng ngủ, 01 phòng bếp, 01 phòng tắm và 01 nhà vệ sinh; mái tôn phía trước nhà có tổng diện tích 30m^2, phần che phía bên phải bằng tôn, có diện tích 12m^2. Sân lót gạch hoa xi măng, có diện tích 22m^2.

01 bộ cửa chính bằng gỗ kích thước 1,4m x 1,2m và 04 bộ cửa sổ. Trong đó, 01 bộ bằng gỗ kích thước 1,2m x 1,6m, 03 bộ bằng nhôm.

01 phòng kho chứa đồ có diện tích 7,5m^2, mái lợp fibro xi măng (Sử dụng ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông:

- Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật như: Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Tiến hành các hoạt động thu thập, kiểm tra giao nộp, công khai chứng cứ, thủ tục hòa giải, xem xét, thẩm định tại chỗ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng được cấp, tống đạt cho đương sự và gửi đến Viện kiểm sát đung quy định tại Điều 28, 35, 39, 68, 143, 170, 171, 173, 177, 203 và 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 71, 72, 75, 77 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; các Điều 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 213, 219, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phước T.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền : Anh Nguyễn Phước T khởi kiện yêu chia tài sản chung sau khi ly hôn là quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở tại khóm 2, Thị trấn K, huyện Đakrông; bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M có nơi cư trú: Khóm 2, Thị trấn K, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị là "*Tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy trình các thủ tục tố tụng pháp luật quy định và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự, không xảy ra khiếu nại, tố cáo.

[3] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: 01 ngôi nhà cấp 4 (xây dựng năm 2013) gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 560, tờ bản đồ số 13, diện tích 100m^2 đất ở do Ủy ban nhân dân huyện Đakrông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CH 000747 ngày 20/8/2012 mang tên ông Nguyễn Phước T, bà Nguyễn Thị Ngọc M tại khóm 2, Thị trấn K, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị; là tài sản chung của anh Nguyễn Phước T và chị Nguyễn Thị Ngọc M tạo dựng trong quá trình hôn nhân (Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình); Anh Nguyễn Phước T và chị Nguyễn Thị Ngọc M đều thống nhất nhà và đất có trị giá là 700.000.000 đồng (Trị giá ngôi nhà cấp 4 trị giá 200.000.000 đồng, đất trị giá 500.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản nhà và đất là 700.000.000 đồng).

Theo kết quả thẩm định ngày 03/8/2022 (có bản vẽ kết quả đo đạc kèm theo) thì:

Diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là 100m^2. Tổng diện tích đất đang sử dụng theo hiện trạng là 164m^2, cụ thể:

- Phía Đông: Chiều rộng mặt đường kiệt 01 đường Hùng Vương 5,61 mét.

- Phía Tây: Chiều rộng giáp đất trụ sở cơ quan Nhà nước 5,95 mét.

- Phía Nam: Chiều dài giáp đất trụ sở cơ quan Nhà nước 16,30 mét và 11,62 mét.

- Phía Bắc: Chiều dài giáp đất ông Trương Quốc T 27,63 mét.

Diện tích đất đang sử dụng ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là 80m^2. Cụ thể:

- Phía Đông: Chiều rộng mặt đường kiệt 01 đường Hùng Vương 1,54 mét.

- Phía Tây: Chiều dài giáp đất trụ sở cơ quan Nhà nước 11,62 mét và 16,30 mét.

- Phía Nam: Chiều rộng mặt trụ sở cơ quan Nhà nước 5,95 mét.

- Phía Bắc: Chiều dài giáp đất ông Trương Quốc T 9,32 mét

- Phía Đông: Giáp thửa đất đang cấp giấy là 5 mét.

- Phía Bắc: Giáp thửa đất đã cấp giấy 18,66 mét.

Diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Trương Quốc T đang sử dụng có diện tích 9m^2. Cụ thể: Chiều rộng mặt đường kiệt 01 đường Hùng Vương 0,93 mét, chiều dài theo Giấy chứng nhận đã cấp 18,56 mét, chiều giáp đất ông Tài, bà Mỹ đang sử dụng 18,31 mét.

Diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc đường giao thông theo hiện trạng là 7m^2. Cụ

thể: Chiều rộng mặt đường kiệt 01 đường Hùng Vương 5 mét, chiều dài phía Bắc 1,44 mét, chiều dài phía Nam 1,34 mét.

Tài sản trên đất gồm:

- Một ngôi nhà cấp 4 có diện tích 87m^2 một tầng, chiều rộng 5,9 mét, chiều dài 14,74 mét, khung cột bê tông cốt thép, tường dày dưới 15cm, nền lát gạch men, mái lợp fibro xi măng, mái lợp la phong bằng tôn phần nhà chính có diện tích 62,5m^2; 01 phòng khách, 02 phòng ngủ, 01 phòng bếp, 01 phòng tắm và 01 nhà vệ sinh; 01 bộ cửa chính bằng gỗ kích thước 1,4m x 1,2m và 04 bộ cửa sổ. Trong đó, 01 bộ bằng gỗ kích thước 1,2m x 1,6m, 03 bộ bằng nhôm.

- Mái tôn phía trước nhà có tổng diện tích 30m^2, phần che phía bên phải bằng tôn, có diện tích 12m^2. Sân lót gạch hoa xi măng, có diện tích 22m^2.

- 01 phòng kho chứa đồ có diện tích 7,5m^2, mái lợp fibro xi măng (Sử dụng ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng;

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 02/2021/QĐ-ST-HNGĐ ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị; đã công nhận sự thỏa thuận về quan hệ hôn nhân, về con chung giữa anh Nguyễn Phước T và chị Nguyễn Thị Ngọc M. Nay, anh Nguyễn Thị Ngọc Tài yêu cầu phân chia tài sản chung sau khi ly hôn là 01 ngôi nhà cấp 4 (xây dựng năm 2013) gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 560, tờ bản đồ số 13, diện tích 100m^2 đất ở được Ủy ban nhân dân huyện Đakrông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CH 000747 ngày 20/8/2012 mang tên ông Nguyễn Phước T, bà Nguyễn Thị Ngọc M tại khóm 2, Thị trấn K, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị; trị giá ngôi nhà cấp 4 trị giá 200.000.000 đồng, đất trị giá 500.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản nhà và đất là 700.000.000 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận (Điều 33, Điều 38 Luật Hôn nhân và Gia đình).

Anh Nguyễn Phước T và chị Nguyễn Thị Ngọc M đều thống nhất giao cho anh Nguyễn Phước T được quyền sỡ hữu 01 ngôi nhà cấp 4 (xây dựng năm 2013) gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 560, tờ bản đồ số 13, diện tích 100m^2 đất ở được Ủy ban nhân dân huyện Đakrông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CH 000747 ngày 20/8/2012 mang tên ông Nguyễn Phước T, bà Nguyễn Thị Ngọc M tại khóm 2, Thị trấn K, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị. Việc thỏa thuận của anh Nguyễn Phước T và chị Nguyễn Thị Ngọc M là tự nguyện, cần chấp nhận.

Tuy nhiên, anh Nguyễn Phước T có nguyện vọng chia đôi tài sản chung, anh nhận quyền sử dụng đất và quyền sỡ hữu nhà và có nghĩa vụ trả lại giá trị nhà và đất cho chị Nguyễn Thị Ngọc M là ½ giá trị tài sản là 350.000.000 đồng. Chị

Nguyễn Thị Ngọc M đồng ý nhận ½ giá trị tài sản, nhưng chị xin chia tài sản chung cho con là 20%, chị hưởng 70% (cả phần của 02 con) còn anh Nguyễn Phước T hưởng 30%; chị Nguyễn Thị Ngọc M đề nghị anh Nguyễn Phước T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là các cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 01/01/2008, cháu Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 25/02/2014 một lần cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Số tiền cấp dưỡng này trừ vào số tiền trị giá tài sản chung mà anh Nguyễn Phước T được hưởng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển khối tài sản chung; có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung (Khoản 2 Điều 213 Bộ luật Dân sự).Tài sản chung của vợ chồng thuộc sỡ hữu chung hợp nhất (Khoản 2 Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình).

Thửa đất số 560, tờ bản đồ số 13, diện tích 100m^2 đất ở được Ủy ban nhân dân huyện Đakrông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CH 000747 ngày 20/8/2012 cấp cho ông Nguyễn Phước T và bà Nguyễn Thị Ngọc M tại khóm 2, Thị trấn K, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị và ngôi nhà gắn liền với đất là tài sản chung của anh Nguyễn Phước T và chị Nguyễn Thị Ngọc M. Nguyễn Thị Ngọc Chị Mỹ cũng xin được hưởng ½ trị giá nhà và đất và xin cho 02 con chung của anh chị được hưởng 20% trị giá nhà và đất, yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc M về việc xin cho 02 con chung của anh chị được hưởng 20% trị giá nhà và đất không được anh Nguyễn Phước T đồng ý nên Tòa án không có cơ sở chấp nhận. Yêu cầu của anh Nguyễn Phước T được nhận nhà và đất và có nghĩa vụ hoàn trả giá trị nhà và đất cho chị Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 350.000.000 đồng là ½ giá trị tài sản theo giá trị đã được các bên đương sự thống nhất là phù hợp, cần chấp nhận (Điều 59, 60 Luật Hôn nhân và Gia đình).

Vấn đề cấp dưỡng cho con đã được anh Nguyễn Phước T và chị Nguyễn Thị Ngọc M thỏa thuận tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 02/2021/QĐ-ST-HNGĐ ngày 18/01/2022, của Tòa án nhân dân huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị; việc chị Nguyễn Thị Ngọc M đề nghị anh thực nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung là các cháu Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 01/01/2008, cháu Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 25/02/2014 một lần cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; số tiền cấp dưỡng này trừ vào số tiền trị giá tài sản chung mà anh Nguyễn Phước T được hưởng, anh Nguyễn Phước T không đồng ý; yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc M không có cơ sở, Tòa án không chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 10.000.000 đồng (Trong đó, tiền xem, xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.715.000 đồng, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền thừa nộp tạm ứng là 7.285.000 đồng), do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, chi phí tố tụng được chia theo phần tài sản được chia.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Phước T và chị Nguyễn Thị Ngọc M đều phải chịu án phí trên phần giá trị tài sản được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 33, 38, 39, 59, 60 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 213, 219, 357, 468 Bộ luật dân sự; điểm b, c khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phước T về chia tài sản chung sau khi ly hôn gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 (xây dựng năm 2013) gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 560, tờ bản đồ số 13, diện tích 100m^2 đất ở được Ủy ban nhân dân huyện Đakrông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CH 000747 ngày 20/8/2012 mang tên ông Nguyễn Phước T, bà Nguyễn Thị Ngọc M tại khóm 2, Thị trấn K, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị; Trị giá ngôi nhà cấp 4 trị giá 200.000.000 đồng, đất trị giá 500.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản nhà và đất là 700.000.000 đồng .

2. Cụ thể chia như sau:

+ Anh Nguyễn Phước T có quyền sử dụng diện tích đất ở là 100m^2 tại thửa đất số 560, tờ bản đồ số 13 tại khóm 2, Thị trấn K, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị đã được Ủy ban nhân dân huyện Đakrông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CH 000747 ngày 20/8/2012 mang tên ông Nguyễn Phước T, bà Nguyễn Thị Ngọc M; trong đó: Diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh Nguyễn Phước T chị Nguyễn Thị Ngọc M đang sử dụng là 84m^2 các cạnh tiếp giáp, chiều dài giáp đất nhà ông Trương Quốc T là 18,58m, chiều dài giáp đất cơ quan Nhà nước là 18, 65m, chiều rộng kiệt 01 đường Hùng Vương 4,07m, chiều rộng giáp đất cơ quan Nhà nước 5m; diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh Nguyễn Phước T chị Nguyễn Thị Ngọc M không sử dụng là 16m^2, có hình thang chiều dài giáp đất ông Tưởng 20m, đường chéo có chiều dài 18,58m, chiều rộng 5m; diện tích đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Trương Quốc T sử dụng là 9 m^2, các cạnh tiếp giáp chiều dài 18,57m, chiều dài theo đường chéo là 18,38m và chiều rộng 0,94m.

+ Anh Nguyễn Phước T có quyền sỡ hữu tài sản trên đất bao gồm:

- 01ngôi nhà cấp 4 (xây dựng năm 2013) có diện tích 87m^2 một tầng, chiều rộng 5,9 mét, chiều dài 14,74 mét, khung cột bê tông cốt thép, tường dày dưới 15cm, nền lát gạch men, mái lợp fibro xi măng, mái lợp la phong bằng tôn phần

nhà chính có diện tích 62,5m^2; 01 phòng khách, 02 phòng ngủ, 01 phòng bếp, 01 phòng tắm và 01 nhà vệ sinh; 01 bộ cửa chính bằng gỗ kích thước 1,4m x 1,2m và 04 bộ cửa sổ (01 bộ bằng gỗ kích thước 1,2m x 1,6m, 03 bộ bằng nhôm).

Trong đó, diện tích nhà nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 34 m^2, diện tích nhà nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 53m^2.

- Mái tôn phía trước nhà có tổng diện tích 30m^2, phần che phía bên phải bằng tôn, có diện tích 12m^2. Sân lót gạch hoa xi măng, có diện tích 22m^2. Diện tích phần mái tôn trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 21 m^2, Diện tích phần mái tôn trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 9 m^2.

- 01 phòng kho chứa đồ có diện tích 7,5m^2, mái lợp fibro xi măng (ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)

Anh Nguyễn Phước T có nghĩa vụ bù chênh lệch cho chị Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) tương ứng ½ giá trị diện tích đất và ½ giá trị ngôi nhà được chia.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đương sự được quyền đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất đã được chia trong bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Nguyễn Phước T đã nộp tạm ứng tổng số tiền 10.000.000 đồng, chi phí xem, xét thẩm định hết số tiền 2.715.000 đồng (Hoàn trả lại cho anh Tài số tiền 7.285.000 đồng). Anh Nguyễn Phước T thuận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Phước T phải chịu 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh Tài còn phải nộp số tiền 1.500.000 đồng án phí.

Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đakrông;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đakrông;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Mai Thị Thu Hà